

Bản án số: 41/2023/DS-ST

Ngày: 17/4/2023

V/v *Tranh chấp về thừa kế tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thành Đồng.

2. Ông Huỳnh Đức Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2019/TLST- DS ngày 03 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông Lê NĐ1, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh B.

- Bà Lê NĐ2, sinh năm 1963.

Địa chỉ: số nhà 148, ấp M, thị trấn T, huyện G, tỉnh B.

- Bà Lê NĐ3, sinh năm 1967.

Địa chỉ: số nhà 620, ấp T, xã B, huyện G, tỉnh B.

- Bà Lê NĐ4, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh B.

- Bà Lê NĐ5, sinh năm 1978.

Địa chỉ: số nhà 102, ấp M, xã B, huyện G, tỉnh B.

- Bà Lê NĐ6, sinh năm 1983.

Địa chỉ: số nhà 03, ấp T, xã B, huyện G, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê NĐ2:

Anh Huỳnh UQ1, sinh năm 1982.

Địa chỉ: số nhà 148, ấp M, thị trấn T, huyện G, tỉnh B.

2. *Bị đơn:* Ông Lê BĐ, sinh năm 1975.

Địa chỉ: số nhà 78, ấp T, xã B, huyện G, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Anh Nguyễn UQ2, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh B.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Lê LQ1, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê LQ1:

Anh Huỳnh UQ3, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh B.

- Bà Lê LQ2, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh B.

- Bà Trần LQ3, sinh năm 1972.

- Anh Lê LQ4, sinh năm 1997.

Cùng địa chỉ: số nhà 569, ấp T, xã B, huyện G, tỉnh B.

- Bà Bùi LQ5, sinh năm 1984.

Địa chỉ: số nhà 78, ấp T, xã B, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê NĐ1, anh Huỳnh UQ1, bà Lê NĐ3, bà Lê NĐ5, bà Lê NĐ6, anh Nguyễn UQ2, anh Huỳnh UQ3, anh Lê LQ4 có mặt; bà Lê NĐ4, bà Lê LQ2, bà Bùi LQ5, bà Trần LQ3 vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 7 năm 2019 (BL 01) và ngày 03 tháng 9 năm 2019 (BL 30-31), bản khai, biên bản lấy lời khai, các đơn xin rút yêu cầu khởi kiện ngày 09 tháng 6 năm 2020 (BL 347) và ngày 10 tháng 6 năm 2020 (BL 348), biên bản hòa giải, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, các nguyên đơn là ông Lê NĐ1, bà Lê NĐ3, bà Lê NĐ4, bà Lê NĐ2, bà Lê

NĐ5, bà Lê NĐ6, người đại diện theo ủy quyền của bà Lê NĐ2 là anh Huỳnh UQ1 trình bày:

Ông Lê TK (sinh năm 1929, chết ngày 06/7/2018) và bà Huỳnh TK (sinh năm 1935, chết ngày 25/4/2016) không có con riêng, không có con nuôi, có 10 người con ruột là: Lê NĐ1, Lê NĐ2, Lê LQ1, Lê NĐ3, Lê LQ2, Lê NĐ4, Lê BD, Lê NĐ5, Lê NĐ6 và Lê U (chết, có 01 người con là Lê LQ4).

Lúc còn sống, ông Lê TK, bà Huỳnh TK có tạo lập các tài sản là:

- Thừa đất số 95, tờ bản đồ số 10, diện tích 11147m², mục đích sử dụng đất: ONT+CLN, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B trên đất có căn nhà cấp 4.

- Thừa đất số 118, tờ bản đồ số 10, diện tích 17602m², mục đích sử dụng đất: CLN, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B.

Vào năm 2003, ông Lê TK, bà Huỳnh TK cho 04 người con là bà Lê NĐ4, ông Lê BD, bà Lê NĐ5, bà Lê NĐ6 mỗi người 3000m² đất vườn thuộc một phần thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10 nhưng chưa làm thủ tục theo quy định của pháp luật. Đối với việc này các anh chị của ông đều đồng ý và bà Lê NĐ4, ông Lê BD, bà Lê NĐ5, bà Lê NĐ6 đều đã quản lý phần diện tích đất được cha mẹ cho từ năm 2003 cho đến nay.

Vào ngày 19/3/2019 âm lịch, các anh chị em đồng ý bán cho bà Lê NĐ5 diện tích 1000m² thuộc một phần thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10 với giá là 150.000.000 đồng dùng để làm từ thiện với danh nghĩa của ông Lê TK, bà Huỳnh TK. Phần diện tích này hiện do bà Lê NĐ5 quản lý, sử dụng, anh chị em không ai tranh chấp phần này.

- 300 chỉ vàng 24K (loại vàng 9999).
- 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).
- Hai bộ ghế gỗ.
- Một bộ trường kỷ bằng gỗ.
- Một bộ ván nằm bằng gỗ.

Ông Lê TK, bà Huỳnh TK chết không để lại di chúc để phân chia tài sản trên nên các nguyên đơn khởi kiện tranh chấp.

Ngày 10/6/2020, các nguyên đơn có làm đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với một số tài sản. Hiện nay, các nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế phần đất thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B.

- Đối với phần đất thửa số 148, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B, các nguyên đơn đồng ý chia cho anh Lê LQ4. Tuy nhiên, phần này và

phần thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10 các nguyên đơn và anh Lê LQ4 sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ông Lê NĐ1, bà Lê NĐ3, bà Lê NĐ2, bà Lê NĐ5, bà Lê NĐ6 đồng ý với giá trị cây mai đã được thẩm định giá, đồng ý với kết quả đo đạc, định giá ngày 06 tháng 10 năm 2022 và không có yêu cầu đo đạc, định giá lại. Hiện trạng đất tranh chấp từ khi Tòa án tiến hành đo đạc, xem xét, thẩm định, định giá tại chỗ đến nay không có gì thay đổi, không có tranh chấp ranh đất với các chủ đất giáp ranh.

Ông Lê NĐ1, bà Lê NĐ3, bà Lê NĐ2, bà Lê NĐ5, bà Lê NĐ6 đồng ý với yêu cầu độc lập của bà Lê LQ1 và anh Lê LQ4.

Bà Trần LQ3 và anh Lê LQ4 có nhà trên phần đất thửa 95h, còn ông Lê BĐ quản lý sử dụng tất cả đất và tài sản trên thửa đất 95.

Ông Lê NĐ1 yêu cầu được nhận phần đất thửa 95j diện tích 1041.9m².

Phần bà Lê NĐ2 yêu cầu được nhận phần đất thửa 95a diện tích 654.2m².

Bà Lê NĐ5 yêu cầu được nhận phần đất thửa 95g diện tích 1175.5m² và đồng ý tạm quản lý cây mai vàng trên đất do các đương sự không có yêu cầu chia giá trị cây mai vàng trong vụ án này. Cây mai vàng có gốc hoành 95cm, cao khoảng 06m, nhánh cây tản ra 6,7m, tại thời điểm thẩm định giá cây đang xanh tươi, có giá trị theo kết quả thẩm định giá tài sản là 730.500.000 đồng.

Bà Lê NĐ3 yêu cầu được nhận phần đất thửa 95i diện tích 1148.7m². Trên phần đất bà Lê NĐ3 yêu cầu được nhận, trong số cây trồng có khoảng 20 cây mai, trong đó có 06 cây mai lớn như biên bản định giá và còn lại là cây mai nhỏ.

Bà Lê NĐ6 yêu cầu được nhận theo đo đạc thực tế là thửa 95e diện tích 1310.2m².

Ông Lê NĐ1, bà Lê NĐ3, bà Lê NĐ2, bà Lê NĐ5, bà Lê NĐ6 đồng ý giao cho ông Lê BĐ tạm quản lý, sử dụng phần đất các đương sự không có yêu cầu nhận và giáp sông là thửa 95k diện tích 1395.5m².

Về cây mai vàng gốc hoành 95cm, cao khoảng 06m, nhánh cây tản ra 6,7m trên phần đất bà Lê NĐ5 yêu cầu nhận thì các nguyên đơn thống nhất không yêu cầu chia giá trị cây mai và đồng ý giao cho bà Lê NĐ5 tạm quản lý cây mai này.

Ông Lê NĐ1, bà Lê NĐ3, bà Lê NĐ2, bà Lê NĐ5, bà Lê NĐ6 đồng ý cùng ông Lê BĐ, bà Lê LQ1, bà Lê LQ2, anh Lê LQ4 đứng tên chung phần đất có mộ thuộc thửa 95c diện tích 609.1m², phần có nhà thờ thuộc thửa 95f diện tích 614.5m² và được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu chung nhà trên đất, tài sản trong nhà trong đó có các tài sản lâu năm và có giá trị như đồ cổ là hai bộ ghế gỗ, một bộ trường kỷ bằng gỗ, một bộ ván nằm bằng gỗ và. Mộ trên thửa 95c là

của ông Lê TK, bà Huỳnh TK và ông Lê U. Nhà, các tài sản lâu năm, có giá trị nêu trên là của ông Lê TK, bà Huỳnh TK. Ông Lê ND1, bà Lê ND3, bà Lê ND2, bà Lê ND5, bà Lê ND6 đồng ý dành phần đường đi chung là thửa 95l diện tích 667.3m².

Ông Lê TK, bà Huỳnh TK chết, các con lấy tiền của ông Lê TK, bà Huỳnh TK để lại làm mai táng và lo mồ mã, ông Lê TK, bà Huỳnh TK chết cũng không để lại nghĩa vụ gì.

Tại đơn yêu cầu ngày 03 tháng 12 năm 2021 (BL 485) và văn bản ý kiến ngày 26 tháng 9 năm 2022 (BL 489), nguyên đơn là bà Lê ND4 trình bày:

Bà xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và từ chối nhận thừa kế di sản cha mẹ để lại là quyền sử dụng đất thửa số 95, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B.

Tại bản tự khai, đơn yêu cầu phản tố ngày 09 tháng 03 năm 2020 (BL 312), đơn yêu cầu về việc rút toàn bộ yêu cầu phản tố, biên bản hòa giải, bị đơn là ông Lê BĐ, người đại diện theo ủy quyền của ông Lê BĐ là anh Nguyễn UQ2 trình bày:

Ngày 09 tháng 3 năm 2020, ông Lê BĐ có yêu cầu phản tố yêu cầu chia cho anh Lê LQ4 được hưởng thừa kế thửa đất số 148, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B và không đồng ý chia thừa kế thửa đất số 95, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B cho anh Lê LQ4 nhưng sau đó ông Lê BĐ rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Ông Lê BĐ đồng ý phần đất 148, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B là đất của anh Lê LQ4 đã được ông Lê TK, bà Huỳnh TK cho và anh Lê LQ4 đang quản lý, sử dụng đất. Ông Lê BĐ đồng ý với yêu cầu độc lập của bà Lê LQ1 và anh Lê LQ4.

Ông Lê BĐ đồng ý với giá trị cây mai vàng đã được thẩm định giá, đồng ý với kết quả đo đạc, định giá ngày 06 tháng 10 năm 2022 và không có yêu cầu đo đạc, định giá lại. Hiện trạng đất tranh chấp từ khi Tòa án tiến hành đo đạc, xem xét, thẩm định, định giá tại chỗ đến nay không có gì thay đổi, không có tranh chấp ranh đất với các chủ đất giáp ranh.

Ông Lê BĐ đồng ý phần đường đi chung là thửa 95l diện tích 667.3m². Ông Lê BĐ yêu cầu được nhận phần đất thửa 95b diện tích 887.6m² và phần bà Lê LQ2 giao cho ông Lê BĐ là thửa 95d diện tích 1118m². Toàn bộ đất và tài sản trên đất tranh chấp (trừ căn nhà của anh Lê LQ4) là do ông Lê BĐ quản lý sử dụng và canh tác. Ông Lê BĐ đồng ý nhận tạm quản lý, sử dụng phần đất các đương sự không có yêu cầu nhận và giáp sông là thửa 95k diện tích 1395.5m². Ông Lê BĐ đồng ý nhận thừa kế chung ông Lê ND1, bà Lê ND3, bà Lê ND2, bà Lê ND5, bà Lê ND6, bà Lê LQ2, bà Lê LQ1 và anh Lê LQ4 phần đất thuộc thửa

95f diện tích 614.5m² (trên đất có nhà thờ, tài sản trong nhà trong đó có các tài sản lâu năm và có giá trị như đồ cổ là hai bộ ghế gỗ, một bộ trường kỷ bằng gỗ, một bộ ván nằm bằng gỗ) và phần đất có mộ thuộc thửa 95c diện tích 609.1m².

Ông Lê BĐ không có yêu cầu chia giá trị cây mai vàng (gốc hoành 95cm, cao khoảng 06m, nhánh cây tản ra 6,7m) trong vụ án này và cũng không đồng ý giao cây mai nêu trên cho bà Lê NĐ5 tạm quản lý nhưng ông Lê BĐ không có yêu cầu đo đạc tách cây mai ra khỏi phần đất bà Lê NĐ5 yêu cầu nhận.

Một số cây trên đất do ông Lê BĐ trồng là những cây trồng dưới 06 năm tuổi đã được ghi trong biên bản định giá. Ông Lê BĐ yêu cầu ai nhận phần đất nào có cây trồng dưới 06 năm tuổi thì trả giá trị cây trồng cho ông Lê BĐ. Qua trao đổi với các nguyên đơn và anh Huỳnh UQ1 tại phiên tòa thì ông Lê BĐ yêu cầu số tiền mỗi nguyên đơn phải trả giá trị cây trồng cho ông Lê BĐ như sau:

Yêu cầu ông Lê NĐ1 trả số tiền 5.555.000 đồng.

Yêu cầu bà Lê NĐ2 trả số tiền 5.000.000 đồng.

Yêu cầu bà Lê NĐ3 trả số tiền 7.000.000 đồng.

Yêu cầu bà Lê NĐ5 trả số tiền 5.000.000 đồng.

Yêu cầu bà Lê NĐ6 trả số tiền 20.000.000 đồng.

Yêu cầu anh Lê LQ4 trả số tiền 8.000.000 đồng.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 26 tháng 3 năm 2020 (BL 330), biên bản lấy lời khai (BL 391), văn bản trình bày ý kiến ngày 18 tháng 10 năm 2022 (BL 595) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê LQ2 trình bày:

Thửa đất số 95, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B là di sản thừa kế của cha mẹ bà để lại. Bà có yêu cầu chia thừa kế, phần bà được chia bà đồng ý giao cho ông Lê BĐ quản lý sử dụng.

Trên đất có cây mai trên 50 năm tuổi, bà yêu cầu không chia cho ai, nằm trên phần đất nhà thờ và các đồng thừa kế cùng nhau có trách nhiệm chăm sóc, quản lý.

Bà đồng ý để anh Lê LQ4 là con của ông Lê U được quyền sử dụng phần đất thửa 148 tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B.

Tại bản khai, đơn yêu cầu độc lập ngày 14 tháng 12 năm 2022 (BL 608), biên bản hòa giải và các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê LQ1 trình bày:

Trước đây, bà Lê LQ1 từ chối nhận thừa kế nhưng nay bà Lê LQ1 yêu cầu được cùng ông Lê NĐ1, bà Lê NĐ3, bà Lê NĐ2, bà Lê NĐ5, bà Lê NĐ6, ông Lê BĐ, bà Lê LQ2, anh Lê LQ4 nhận chung phần thừa kế và đứng tên chung

phần đất thuộc thửa 95f diện tích 614.5m² và được quyền quản lý, sử dụng chung nhà thờ, tài sản trong nhà trong đó có các tài sản lâu năm và có giá trị như đồ cổ là hai bộ ghế gỗ, một bộ trường kỷ bằng gỗ, một bộ ván nằm bằng gỗ và phần đất có mộ thuộc thửa 95c diện tích 609.1m². Bà Lê LQ1 đồng ý phần đường đi chung là thửa 95l diện tích 667.3m². Phần đất còn lại Tòa án cứ chia cho các đồng thừa kế khác, bà Lê LQ1 từ chối nhận thừa kế phần đất còn lại trong thửa đất số 95, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B.

Bà Lê LQ1 đồng ý giao cho bà Lê ND5 tạm quản lý cây mai vàng trên đất bà Lê ND5 nhận, không yêu cầu chia giá trị cây mai vàng trong vụ án này.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 23 tháng 02 năm 2023 (BL 615), biên bản hòa giải, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê LQ4 trình bày:

Anh là con của ông Lê U. Anh thống nhất với ý kiến của các nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản thừa kế. Anh đồng ý với giá trị cây mai vàng đã được thẩm định giá, đồng ý với kết quả đo đạc, định giá ngày 06 tháng 10 năm 2022.

Anh chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế phần đất thuộc thửa số 95, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B, không tranh chấp ranh với các chủ đất giáp ranh.

Anh yêu cầu được nhận phần đất thửa 95h diện tích 537.1m², đồng ý phần đường đi chung là thửa 95l diện tích 667.3m².

Về cây mai vàng trên phần đất bà Lê ND5 yêu cầu nhận thì anh đồng ý giao bà Lê ND5 tạm quản lý, anh không có yêu cầu chia giá trị cây mai trong vụ án này.

Anh yêu cầu được cùng ông Lê ND1, bà Lê ND3, bà Lê ND2, bà Lê ND5, bà Lê ND6, ông Lê BD, bà Lê LQ2 nhận thừa kế chung và đứng tên chung phần đất có mộ thuộc thửa 95c diện tích 609.1m² và phần đất thuộc thửa 95f diện tích 614.5m², yêu cầu được quyền cùng quản lý, sử dụng, sở hữu chung nhà thờ và các tài sản trong nhà thờ trên thửa 95f, trong đó có các tài sản lâu năm và có giá trị như đồ cổ là hai bộ ghế gỗ, một bộ trường kỷ bằng gỗ, một bộ ván nằm bằng gỗ.

Anh và bà Trần LQ3 có nhà ở trên phần đất thửa 95h, còn cây trồng trên đất thì ông Lê BD đang quản lý sử dụng.

Ông bà nội của anh là ông Lê TK, bà Huỳnh TK có cho anh phần đất thửa số 148, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B, việc này được tất cả những người thuộc hàng thừa kế của ông Lê TK, bà Huỳnh TK thừa nhận.

Tại bản tự khai ngày 24 tháng 22 năm 2021 (BL 452), các biên bản hòa giải và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 14 tháng 4 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần LQ3 trình bày:

Bà là vợ của ông Lê U (sinh năm 1973, chết năm 2001). Bà và ông Lê U có 01 người con là anh Lê LQ4. Ông Lê U là con của ông Lê TK và bà Huỳnh TK. Bà thống nhất với hàng thừa kế của ông Lê TK, bà Huỳnh TK như nguyên đơn trình bày. Khi còn sống, vào năm 1998, ông Lê TK, bà Huỳnh TK có cho anh Lê LQ4 phần đất thừa số 148, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B, việc này được tất cả những người thuộc hàng thừa kế của ông Lê TK, bà Huỳnh TK thừa nhận. Bà và anh Lê LQ4 quản lý sử dụng đất từ trước đến nay.

Trong vụ án này, anh Lê LQ4 có quyền thừa kế thế vị nên mọi vấn đề có liên quan trong vụ án do anh Lê LQ4 toàn quyền quyết định.

Do đau ốm nên bà xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 24 tháng 11 năm 2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi LQ5 trình bày:

Bà là vợ của ông Lê BD, bà đang ở trên nhà, đất đang có tranh chấp trong vụ án. Bà thống nhất với trình bày của ông Lê BD và không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Do bận công việc nên bà yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

- Người tiến hành tố tụng: Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền thụ lý vụ án, việc lập hồ sơ giải quyết, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, thời hạn giải quyết vụ án, thu thập tài liệu chứng cứ, tiến hành các thủ tục thông báo, tổng đạt các đương sự tham gia công khai chứng cứ, hòa giải, triệu tập các đương sự tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ Điều 609, 610, 611, 612, 613, 645, 649, 650, 651, 652 Bộ Luật dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê ND1, bà Lê ND3, bà Lê ND2, bà Lê ND5, bà Lê ND6, yêu cầu độc lập của anh Lê LQ4, bà Lê LQ2 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Lê TK, bà Huỳnh TK chết để lại đối với diện tích 11147m², thửa đất số 95, tờ bản đồ số 10, tại xã B, huyện G, tỉnh B.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê LQ1 về việc cùng các đồng thừa kế khác nhận chung phần thừa kế và đứng tên chung thửa đất 95c diện tích

609.1m², thửa số 95f, diện tích 641.5m² và được quyền quản lý, sử dụng chung nhà trên thửa 95f, được quyền sở hữu tài sản trong nhà trong đó có các tài sản lâu năm và có giá trị như đồ cổ là 02 bộ ghế gỗ, 01 bộ trường kỷ bằng gỗ, 01 bộ ván bằng gỗ.

Bà Lê ND2 được nhận phần đất diện tích 654.2m², thửa 95a và được quyền sở hữu cây trồng trên đất. Buộc bà Lê ND2 hoàn trả cho ông Lê BD giá trị cây trồng trên đất, số tiền là 5.000.000 đồng.

Ông Lê BD được nhận phần đất diện tích 887.6m², thửa 95b và phần đất diện tích 1118m², thửa 95d (phần thửa kế bà Lê LQ2 được nhận, bà Lê LQ2 đồng ý giao lại cho ông Lê BD) và được quyền sở hữu cây trồng trên đất. Tạm giao ông Lê BD quản lý, sử dụng thửa đất số 95k, diện tích 1395.5m².

Bà Lê ND6 được nhận phần đất diện tích 1310.2m², thửa 95e và được quyền sở hữu cây trồng trên đất. Buộc bà Lê ND6 hoàn trả cho ông Lê BD giá trị cây trồng trên đất, số tiền là số tiền 20.000.000 đồng.

Bà Lê ND5 được nhận phần đất diện tích 1175.5m², thửa 95g và được quyền sở hữu cây trồng trên đất. Tạm giao cho bà Lê ND5 quản lý cây mai vàng trên đất. Buộc bà Lê ND5 hoàn trả cho ông Lê BD giá trị cây trồng trên đất, số tiền là 5.000.000 đồng.

Anh Lê LQ4 được nhận phần đất diện tích 537.1m², thửa 95h và được quyền sở hữu cây trồng trên đất. Buộc anh Lê LQ4 hoàn trả cho ông Lê BD giá trị cây trồng trên đất, số tiền là 8.000.000 đồng.

Bà Lê ND3 được nhận phần đất diện tích 1148.7m², thửa 95i và được quyền sở hữu cây trồng trên đất. Buộc bà Lê ND3 hoàn trả cho ông Lê BD giá trị cây trồng trên đất, số tiền là 7.000.000 đồng.

Ông Lê ND1 được nhận phần đất diện tích 1401.9m², thửa 95j và được quyền sở hữu cây trồng trên đất. Buộc ông Lê ND1 hoàn trả cho ông Lê BD ½ giá trị cây trồng trên đất (đối với những cây ông Lê BD trồng trên thửa đất số 95j), số tiền là 5.555.000 đồng.

Ông Lê ND1, bà Lê ND2, bà Lê ND3, bà Lê ND5, bà Lê ND6, ông Lê BD, bà Lê LQ1, bà Lê LQ2 và anh Lê LQ4 được nhận chung phần thửa kế và đứng tên chung thửa đất số 95f, diện tích 641.5 m², thửa đất số 95l, diện tích 667.3 m² và được quyền quản lý, sử dụng chung nhà thờ, tài sản trong nhà trong đó có các tài sản lâu năm và có giá trị như đồ cổ là 02 bộ ghế gỗ, 01 bộ trường kỷ bằng gỗ, 01 bộ ván bằng gỗ.

Các bên đương sự thống nhất lối đi chung là thửa 95l, diện tích 667.3 m².

Buộc người nhận phần thừa kế nhiều hơn hoàn trả giá trị cho người nhận phần thừa kế ít hơn, căn cứ kết quả định giá tài sản ngày 06 tháng 10 năm 2022

của Hội đồng định giá tài sản huyện Giồng Trôm.

Buộc ông Lê BD, bà Bùi LQ5 giao cho ông Lê NĐ1, bà Lê NĐ3, bà Lê NĐ6, bà Lê NĐ2, bà Lê NĐ5, anh Lê LQ4 phần đất và cây trồng trên đất những người này được chia.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các bên đương sự theo nội dung án tuyên, khi có yêu cầu.

- Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê NĐ1, bà Lê NĐ3, bà Lê NĐ2 và bà Lê NĐ5, bà Lê NĐ6 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10, diện tích 17602m², tại xã B, huyện G, tỉnh B, 300 chỉ vàng 24K (loại vàng 9999), 500.000.000 đồng tiền mặt, 02 bộ ghế gỗ, 01 bộ trường kỷ bằng gỗ, 01 bộ ván nằm bằng gỗ.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lê NĐ4 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10, diện tích 17602m², thửa đất số 95, tờ bản đồ số 10, diện tích 11147m², tại xã B, huyện G, tỉnh B, 300 chỉ vàng 24K (loại vàng 9999), 500.000.000 đồng tiền mặt, 02 bộ ghế gỗ, 01 bộ trường kỷ bằng gỗ, 01 bộ ván nằm bằng gỗ.

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Lê BD về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê TK và bà Huỳnh TK là thửa đất số 148, tờ bản đồ số 10, diện tích 2933.8m², tại xã B, huyện G, tỉnh B cho anh Lê LQ4 được nhận, anh Lê LQ4 không được nhận thừa kế thửa đất số 95 và 118, cùng tờ bản đồ số 10, tại xã B, huyện G, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Cha mẹ của các nguyên đơn và bị đơn là bà Huỳnh TK chết năm 2016, ông Lê TK chết năm 2018, vụ án được thụ lý ngày 31 tháng 12 năm 2020, còn trong thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế.

[1.2] Các đương sự chỉ tranh chấp và yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B; không tranh chấp ranh đất với các chủ đất giáp ranh nên Tòa án chỉ giải quyết tranh chấp trong thửa đất số 95, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B, không đưa thêm người tham gia tố tụng vào vụ án.

[1.3] Các đương sự không có ý kiến gì về tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố và đồng ý với kết quả đo đạc, định giá ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng định giá huyện Giồng Trôm, đồng ý với kết quả thẩm định giá cây mai vàng theo chứng thư thẩm định giá số 0610001/2022/CT-SGL ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Công ty TNHH MTV thẩm định giá SGL. Các đương sự không có yêu cầu thu thập chứng cứ, xác minh gì thêm, không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng.

[1.4] Bà Lê NĐ4, bà Lê LQ2, bà Bùi LQ5, bà Trần LQ3 có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Thủy, bà Lê LQ2, bà Bùi LQ5, bà Trần LQ3.

[2] Về nội dung:

Tài sản tranh chấp trong vụ án là thửa đất số 95, tờ bản đồ số 10, diện tích 11147m², mục đích sử dụng đất: 300m² đất ONT, còn lại là đất CLN, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B.

[2.1] Ông Lê TK (sinh năm 1929, chết ngày 06/7/2018) và bà Huỳnh TK (sinh năm 1935, chết ngày 25/4/2016) có 10 người con ruột là ông Lê NĐ1, bà Lê NĐ2, bà Lê LQ1, bà Lê NĐ3, bà Lê LQ2, bà Lê NĐ4, ông Lê BĐ, bà Lê NĐ5, bà Lê NĐ6 và ông Lê U. Ông Lê U đã chết, vợ là bà Trần LQ3, có 01 người con là Lê LQ4.

Các đương sự thống nhất hàng thừa kế, di sản thừa kế, thống nhất thửa đất tranh chấp là tài sản chung của ông Lê TK và bà Huỳnh TK, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê TK, bà Niêm (Niêm), thống nhất trình bày ông Lê BĐ là người ở với ông Lê TK, bà Huỳnh TK từ nhỏ tại căn nhà trên phần đất tranh chấp, trong nhà có các vật dụng hiện đang do ông Lê BĐ quản lý, sử dụng.

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc phân chia di sản nên khởi kiện yêu cầu chia thừa kế.

Các đương sự thống nhất ông Lê TK, bà Huỳnh TK chết không có di chúc đất này cho ai, các đương sự đồng ý chia thừa kế theo pháp luật nhưng yêu cầu tính chênh lệch giá trị đất, ai nhận nhiều hơn sẽ trả cho người nhận ít hơn. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

[2.2] Các nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đồng ý các đồng thừa kế đứng tên chung phần đất có nhà thờ thuộc thửa 95f diện tích 614.5m² và được quyền sở hữu chung nhà, tài sản trong nhà, trong đó có các tài sản lâu năm và có giá trị là hai bộ ghế gỗ, một bộ trường kỷ bằng gỗ, một bộ ván nằm bằng gỗ và phần đất có mộ thuộc thửa 95c diện tích

609.1m². Các nguyên đơn đồng ý dành phần đường đi chung là thửa 95l diện tích 667.3m².

Đối với phần đất các đương sự không có yêu cầu nhận và giáp sông là thửa 95k diện tích 1395.5m², các đương sự và ông Lê BD thống nhất ông Lê BD tạm quản lý, sử dụng phần đất này.

Bà Lê LQ1 chỉ yêu cầu cùng các đồng thừa kế đứng tên chung phần đất có mộ thuộc thửa 95c diện tích 609.1m² và phần đất có nhà thờ thuộc thửa 95f diện tích 614.5m², yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng, sở hữu chung nhà thờ trên đất, tài sản trong nhà, trong đó có các tài sản lâu năm và có giá trị là hai bộ ghế gỗ, một bộ trường kỷ bằng gỗ, một bộ ván nằm bằng gỗ, đồng ý phần đường đi chung là thửa 95l diện tích 667.3m². Đối với phần đất còn lại của thửa đất số 95, tờ bản đồ số 10 đang tranh chấp trong vụ án này, bà Lê LQ1 từ chối nhận thừa kế nên sẽ được chia đều cho các đồng thừa kế.

[2.3] Theo đo đạc thực tế, trừ phần đất ông Lê NĐ1, bà Lê NĐ2, bà Lê NĐ3, bà Lê NĐ5, bà Lê NĐ6, ông Lê BD, bà Lê LQ1, bà Lê LQ2 và anh Lê LQ4 nhận chung thửa 95f diện tích 614.5m² (có 300m² đất ở tại nông thôn) và thửa 95c diện tích 609.1m², trừ phần đất dành làm lối đi chung thửa 95l diện tích 667.3m², trừ phần đất ông Lê NĐ1, bà Lê NĐ2, bà Lê NĐ3, bà Lê NĐ5, bà Lê NĐ6, ông Lê BD, bà Lê LQ1, bà Lê LQ2 và anh Lê LQ4 không yêu cầu chia là thửa 95k diện tích 1395.5m² thì còn lại diện tích là 7873.2m² đất trồng cây lâu năm sẽ chia cho ông Lê NĐ1, bà Lê NĐ2, bà Lê NĐ3, bà Lê NĐ5, bà Lê NĐ6, ông Lê BD, bà Lê LQ2, anh Lê LQ4.

Do nguyên đơn cho rằng toàn bộ cây trồng trên đất là của ông Lê TK, bà Huỳnh TK nhưng nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh. Bị đơn cho rằng trừ các cây trên 06 năm tuổi và cây mai vàng (gốc hoành 95cm, cao khoảng 06m, nhánh cây tản ra 6,7m) trên phần đất thửa 95g là của ông Lê TK, bà Huỳnh TK, các cây trồng còn lại trên đất đều do ông Lê BD trồng. Xét về thời gian ông Lê TK, bà Huỳnh TK chết cũng đã hơn 06 năm, gần thời điểm chết thì ông Lê TK, bà Huỳnh TK đã lớn tuổi, trong số cây trồng trên đất có nhiều cây dưới 06 năm tuổi nên việc nguyên đơn cho rằng toàn bộ cây trồng trên đất là của ông Lê TK, bà Huỳnh TK trồng là không hợp lý. Bên cạnh đó, tại phiên tòa, các nguyên đơn đều thừa nhận ông Lê BD sống với ông Lê TK, bà Huỳnh TK từ nhỏ đến lớn và từ khi ông Lê TK, bà Huỳnh TK chết thì ông Lê BD quản lý, sử dụng đất cho đến nay nên có căn cứ xác định các cây trên 06 năm tuổi và cây mai vàng trên đất chia cho bà Lê NĐ5 là của ông Lê TK, bà Huỳnh TK trồng, các cây còn lại trên đất (có nêu trong biên bản định giá ngày 06 tháng 10 năm 2022) do ông Lê BD trồng. Do các đương sự thống nhất sẽ trả giá trị cây trồng cho ông Lê BD để được quyền sở hữu các cây do ông Lê BD trồng nên khi tính thừa kế sẽ tính đất theo giá không bao gồm hoa màu. Phần đất của người thừa kế nào được chia

có cây trên 06 năm tuổi và các cây khác (trừ cây ông Lê BD cho rằng ông trồng) thì sẽ cộng giá trị các cây đó với giá trị đất để tính giá trị chênh lệch.

Theo biên bản định giá ngày 06 tháng 10 năm 2022, giá thị trường loại đất trồng cây lâu năm không bao gồm hoa màu, cây trồng, vật kiến trúc trên đất là 250.000 đồng/m². Diện tích 7873.2m² đất có giá trị là: 7873.2m² x 250.000 đồng/m² = 1.968.300.000 đồng.

Tổng giá trị các cây có trong các phần chia cho các đương sự (trừ các phần nhận chung thừa 95f, 95c, phần lỗi đi thừa 95l và phần các đương sự không yêu cầu chia, đồng ý tạm giao ông Lê BD quản lý, sử dụng thừa 95k, trừ các cây ông Lê BD trồng và có yêu cầu các đương sự trả giá trị như nêu tại văn bản trình bày ý kiến ngày 12 tháng 4 năm 2023) là 147.246.000 đồng.

Tổng giá trị di sản là đất và cây trồng để chia thừa kế là: 1.968.300.000 đồng + 147.246.000 đồng = 2.115.546.000 đồng.

Như vậy, ông Lê NĐ1, bà Lê NĐ2, bà Lê NĐ3, bà Lê NĐ5, bà Lê NĐ6, ông Lê BD, bà Lê LQ2, anh Lê LQ4 mỗi người được nhận kỷ phần giá trị là 264.443.250 đồng (2.115.546.000 đồng : 8 = 264.443.250 đồng). Ông Lê BD được nhận phần của ông và phần của bà Lê LQ2 giao cho ông nên phần của ông Lê BD sẽ là 264.443.250 đồng x 2 = 528.886.500 đồng.

[2.11] Thực tế, ông Lê NĐ1 được nhận phần đất thừa 95j diện tích 1041.9m², giá trị là 1041.9m² x 250.000 đồng/m² = 260.475.000 đồng, trừ các cây ông Lê BD cho rằng ông trồng và yêu cầu trả giá trị, trên đất còn có 02 cây dừa từ 06 năm trở lên giá trị 3.300.000 đồng, tổng cộng ông Lê NĐ1 nhận thừa kế giá trị là 263.775.000 đồng. Như vậy, ông Lê NĐ1 nhận ít hơn kỷ phần số tiền là 668.250 đồng.

Bà Lê NĐ2 được nhận phần đất thừa 95a diện tích 654.2m², giá trị là 654.2m² x 250.000 đồng/m² = 163.550.000 đồng, trừ các cây ông Lê BD cho rằng ông trồng và yêu cầu trả giá trị, trên đất còn có 11 cây bưởi da xanh từ 06 năm tuổi trở lên (loại 1), 01 cây dừa trên 06 năm (loại 1), 22 cây bưởi từ 06 năm tuổi trở lên (loại 1), tổng giá trị là 59.370.000 đồng; tổng cộng phần bà Lê NĐ2 hưởng giá trị là 222.920.000 đồng. Như vậy, bà Lê NĐ2 nhận ít hơn kỷ phần số tiền là 41.523.250 đồng.

Bà Lê NĐ3 được nhận phần đất thừa 95i diện tích 1148.7m², giá trị là 1148.7m² x 250.000 đồng/m² = 287.175.000 đồng, trừ các cây ông Lê BD cho rằng ông trồng và yêu cầu trả giá trị, trên đất còn có 07 cây cau có trái và lá dừa nước tổng giá trị là 484.000 đồng. Như vậy, bà Lê NĐ3 nhận nhiều hơn kỷ phần số tiền là 23.215.750 đồng.

Bà Lê NĐ5 được nhận phần đất thừa 95g diện tích 1175.5m², giá trị là 1175.5m² x 250.000 đồng/m² = 293.875.000 đồng, trừ các cây ông Lê BD cho

rằng ông trồng và yêu cầu trả giá trị, trên đất còn có trên đất có 02 cây dừa từ 06 năm tuổi trở lên, 05 cây cau có trái, tổng giá trị 3.795.000 đồng, tổng cộng 297.670.000 đồng. Như vậy, bà Lê NĐ5 nhận nhiều hơn kỷ phần số tiền là 33.226.750 đồng.

Bà Lê NĐ6 được nhận phần đất thửa 95e diện tích 1310.2m², giá trị là 1310.2m² x 250.000 đồng/m² = 327.550.000 đồng, trừ các cây ông Lê BĐ cho rằng ông trồng và yêu cầu trả giá trị, trên đất còn có 19 cây dừa trên 06 năm tuổi (loại 1), 03 cây cóc từ 05 năm tuổi trở lên tổng giá trị 33.066.000 đồng, tổng cộng 360.616.000 đồng. Như vậy, bà Lê NĐ6 nhận nhiều hơn kỷ phần số tiền là 96.172.750 đồng.

Anh Lê LQ4 được nhận phần đất thửa 95h diện tích 537.1m², giá trị là 537.1m² x 250.000 đồng/m² = 134.275.000 đồng, trừ các cây ông Lê BĐ cho rằng ông trồng và yêu cầu trả giá trị, trên đất còn có 05 cây cau có trái, 02 cây dừa từ 06 năm tuổi trở lên, 01 cây khế và lá dừa nước tổng giá trị 3.916.000 đồng, tổng cộng là 138.191.000 đồng. Như vậy, anh Lê LQ4 nhận ít hơn kỷ phần số tiền là 126.252.250 đồng.

Ông Lê BĐ được nhận phần đất thửa 95b diện tích 887.6m² và phần đất thửa 95d diện tích 1118m² giá trị là (887.6m² + 1118m²) x 250.000 đồng/m² = 501.400.000 đồng, trên đất thửa 95d có 27 cây dừa từ 06 năm tuổi trở lên (loại 1) giá 44.550.000 đồng, tổng cộng 545.950.000 đồng. Như vậy, ông Lê BĐ nhận nhiều hơn kỷ phần số tiền là 17.063.500 đồng.

[2.12] Về việc thanh toán giá trị chênh lệch thừa kế đất:

Các đương sự nhận nhiều hơn giá trị phần thừa kế phải trả giá trị chênh lệch cho người nhận ít hơn.

Buộc bà Lê NĐ3 giao cho ông Lê NĐ1 số tiền là 668.250 đồng.

Buộc bà Lê NĐ3 giao cho bà Lê NĐ2 số tiền là 22.547.500.

Buộc bà Lê NĐ5 giao cho bà Lê NĐ2 số tiền là 18.975.750 đồng.

Buộc bà Lê NĐ5 giao anh Lê LQ4 số tiền là 14.251.000 đồng.

Buộc bà Lê NĐ6 giao cho anh Lê LQ4 số tiền là 96.172.750 đồng.

Buộc ông Lê BĐ giao cho anh Lê LQ4 số tiền là 15.828.500 đồng.

[2.13] Ông Lê BĐ đồng ý chia thừa kế theo quy định pháp luật và đồng ý đứng tên chung phần đất có nhà thờ và mộ nhưng có yêu cầu các đương sự trả giá trị cây trồng ông đã trồng. Tại phiên tòa ngày 14 tháng 4 năm 2023, người đại diện theo ủy quyền của ông Lê BĐ và các đương sự cũng thống nhất số tiền giá trị cây trồng các đương sự phải trả cho ông Lê BĐ nhưng hiện nay chưa trả nên cần buộc trả theo số tiền hai bên đã thống nhất. Cụ thể như sau:

Buộc ông Lê NĐ1 trả cho ông Lê BĐ số tiền 5.555.000 đồng.

Buộc bà Lê ND2 trả cho ông Lê BĐ số tiền 5.000.000 đồng.

Buộc bà Lê ND3 trả cho ông Lê BĐ số tiền 7.000.000 đồng.

Buộc bà Lê ND5 trả cho ông Lê BĐ số tiền 5.000.000 đồng.

Buộc bà Lê ND6 trả cho ông Lê BĐ số tiền 20.000.000 đồng.

Buộc anh Lê LQ4 trả cho ông Lê BĐ số tiền 8.000.000 đồng.

[2.14] Buộc ông Lê BĐ, bà Bùi LQ5 giao cho ông Lê ND1, bà Lê ND3, bà Lê ND6, bà Lê ND2, bà Lê ND5, anh Lê LQ4 phần đất và cây trồng trên đất những người này được chia.

[2.15] Bà Lê ND5 được nhận phần đất thừa 95g diện tích 1175.5m², trên đất có cây mai vàng (gốc hoành 95cm, cao khoảng 06m, nhánh cây tản ra 6,7m, tại thời điểm thẩm định giá cây đang xanh tươi) có giá trị theo kết quả thẩm định giá tài sản là 730.500.000 đồng. Xét thấy ông Lê ND1, bà Lê ND2, bà Lê ND3, bà Lê ND5, bà Lê ND6, anh Lê LQ4, ông Lê BĐ đều thừa nhận cây mai nêu trên là tài sản của ông Lê TK, bà Huỳnh TK chết để lại chưa chia cho ai, hiện không ai có tranh chấp, không ai yêu cầu chia giá trị cây mai vàng trong vụ án này. Ông Lê ND1, bà Lê ND2, bà Lê ND3, bà Lê ND5, bà Lê ND6, anh Lê LQ4 đồng ý giao cho bà Lê ND5 tạm quản lý cây mai. Trước đây, bà Lê LQ1 không đồng ý giao cây mai cho bà Lê ND5 tạm quản lý nhưng tại phiên tòa ngày 14 tháng 4 năm 2023, người đại diện theo ủy quyền của bà Lê LQ1 là anh Huỳnh UQ3 trình bày bà Lê LQ1 đồng ý giao cho bà Lê ND5 tạm quản lý cây mai trên phần đất bà Lê ND5 được nhận thừa kế. Ông Lê BĐ không yêu cầu chia giá trị cây mai nhưng không đồng ý giao cho bà Lê ND5 tạm quản lý cây mai và cũng không yêu cầu đo đạc tách cây mai ra khỏi phần đất bà Lê ND5 yêu cầu nhận.

Cần ghi nhận các đương sự thống nhất cây mai vàng gốc hoành 95cm, cao khoảng 06m, nhánh cây tản ra 6,7m là di sản của ông Lê TK, bà Huỳnh TK. Do cây mai nằm trên phần đất bà Lê ND5 được chia nên cần giao cho bà Lê ND5 tiếp tục quản lý cây mai này. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ kiện khác.

[2.16] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với các tài sản:

- Thừa đất số 118, tờ bản đồ số 10, diện tích 17602m², mục đích sử dụng: CLN, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B.

- 300 chỉ vàng 24K (loại vàng 9999).

- 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

- Hai bộ ghế gỗ.

- Một bộ trường kỷ bằng gỗ.

- Một bộ ván nằm bằng gỗ.

Vì vậy, đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã

rút. Nếu sau này các đương sự tranh chấp thì được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[2.17] Bà Lê NĐ4 rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và từ chối nhận di sản thừa kế nên đình chỉ giải quyết toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê NĐ4.

[2.18] Ông Lê BĐ rút toàn bộ yêu cầu phản tố nên đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông Lê BĐ về việc yêu cầu chia thừa đất 148, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B cho anh Lê LQ4 được nhận, không đồng ý chia cho anh Lê LQ4 thừa kế thừa đất số 95 và thừa đất số 118 tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B.

[2.19] Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự như án tuyên khi đương sự có yêu cầu.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê NĐ1, bà Lê NĐ2 thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại cho ông Lê NĐ1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.993.000 đồng theo biên lai thu số 7462 ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trả lại cho bà Lê NĐ2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.993.000 đồng theo biên lai thu số 7461 ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bà Lê NĐ3 phải chịu án phí trên giá trị kỷ phần thừa kế được hưởng và tiền giá trị cây trồng trả cho ông Lê BĐ là 13.572.000 đồng $[(264.443.250 \text{ đồng} + 7.000.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 13.572.000 \text{ đồng}]$.

Bà Lê NĐ5 phải chịu án phí trên kỷ phần thừa kế được hưởng và tiền giá trị cây trồng trả cho ông Lê BĐ là 13.472.000 đồng $[(264.443.250 \text{ đồng} + 5.000.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 13.472.000 \text{ đồng}]$.

Bà Lê NĐ6 phải chịu án phí trên kỷ phần thừa kế được hưởng và tiền giá trị cây trồng trả cho ông Lê BĐ là 14.222.000 đồng $[(264.443.250 \text{ đồng} + 20.000.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 14.222.000 \text{ đồng}]$.

Ông Lê BĐ phải chịu án phí trên kỷ phần thừa kế của ông và phần ông được bà Lê LQ2 giao, số tiền án phí được tính là 25.155.460 đồng.

Anh Lê LQ4 phải chịu án phí trên kỷ phần thừa kế được hưởng và giá trị cây trồng trả cho ông Lê BĐ là 13.622.000 đồng $[(264.443.250 \text{ đồng} + 8.000.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 13.622.000 \text{ đồng}]$.

Ông Lê NĐ1, bà Lê NĐ2, bà Lê NĐ3, bà Lê NĐ5, bà Lê NĐ6, ông Lê BĐ, bà Lê LQ2, bà Lê LQ1, anh Lê LQ4 mỗi người phải chịu án phí phần đất nhận chung là 95f diện tích 614.5m² (có 300m² đất ở tại nông thôn, còn lại là đất trồng cây lâu năm) và thửa 95c diện tích 609.1m² (đất trồng cây lâu năm), số tiền án phí phải chịu là: $[(300\text{m}^2 \text{ đất ở tại nông thôn} \times 590.000 \text{ đồng/m}^2) + [(314.5\text{m}^2 + 609.1\text{m}^2) \times 250.000 \text{ đồng/m}^2] = 20.036.000 \text{ đồng}$. Tính ra, trung bình mỗi người phải chịu 2.226.000 đồng nhưng ông Lê NĐ1 và bà Lê NĐ2 được miễn nộp án phí nên ông Lê NĐ1, bà Lê NĐ2 không phải nộp.

Trả lại cho bà Lê NĐ4 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.294.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 7463 ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[5] Về chi phí tố tụng khác:

Bà Lê NĐ5 phải chịu chi phí thẩm định giá cây mai vàng là 3.300.000 đồng và đã trả đủ số tiền này.

Ông Lê BĐ phải chịu phí thu thập chứng cứ (đo đạc, định giá, thu thập quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,...) tổng cộng là 30.248.000 đồng. Ông Lê NĐ1 đã nộp tạm ứng 15.248.000 đồng, bà Lê NĐ5 nộp tạm ứng 10.000.000 đồng, ông Lê BĐ nộp tạm ứng 5.000.000 đồng. Do đó, ông Lê BĐ phải trả lại cho ông Lê NĐ1 số tiền 15.248.000 đồng, trả lại cho bà Lê NĐ5 số tiền 10.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 609, 610, 611, 612, 613, 649, 650, 651, 652, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê NĐ1, bà Lê NĐ3, bà Lê NĐ2, bà Lê NĐ5, bà Lê NĐ6, yêu cầu độc lập của anh Lê LQ4, bà Lê LQ2 về việc yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 95, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã

B, huyện G, tỉnh B.

[2] Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê LQ1 về việc yêu cầu cùng ông Lê NĐ1, bà Lê NĐ3, bà Lê NĐ2, bà Lê NĐ5, bà Lê NĐ6, ông Lê BĐ, bà Lê LQ2, anh Lê LQ4 nhận thừa kế chung diện tích 609.1m² (đất CLN), thửa đất 95c và diện tích 641.5m² (trong đó có 300m² đất ONT, còn lại là đất CLN) thửa đất số 95f, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B và được quyền sở hữu chung ngôi nhà trên thửa 95f, được quyền sở hữu tài sản trong nhà trong đó có các tài sản lâu năm và có giá trị là hai bộ ghế gỗ, 01 bộ trường kỷ bằng gỗ, một bộ ván bằng gỗ.

[3] Chia cho ông Lê NĐ1 được quyền sử dụng đất và được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất diện tích 1401.9m², thửa 95j, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B.

Chia cho bà Lê NĐ2 được quyền sử dụng đất và được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất diện tích 654.2m², thửa 95a, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B.

Chia cho bà Lê NĐ3 được quyền sử dụng đất và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản, cây trồng trên đất diện tích 1148.7m², thửa 95i, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B.

Chia cho bà Lê NĐ5 được quyền sử dụng đất và được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất diện tích 1175.5m², thửa 95g, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B.

Chia cho bà Lê NĐ6 được quyền sử dụng đất và được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất diện tích 1310.2m², thửa 95e, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B.

Chia cho ông Lê BĐ được quyền sử dụng đất và được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất diện tích 887.6m², thửa 95b và diện tích 1118m², thửa 95d, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B.

Tạm giao cho ông Lê BĐ quản lý, sử dụng phần đất diện tích 1395.5m², thửa 95k, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B.

Chia cho anh Lê LQ4 được quyền sử dụng đất và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản, cây trồng trên đất diện tích 537.1m², thửa 95h, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B.

Ông Lê NĐ1, bà Lê NĐ2, bà Lê NĐ3, bà Lê NĐ5, bà Lê NĐ6, ông Lê BĐ, bà Lê LQ1, bà Lê LQ2 và anh Lê LQ4 được nhận thừa kế chung thửa đất số 95c diện tích 609.1m² (đất CLN), thửa đất số 95f, diện tích 641.5m² (trong đó có 300m² đất ONT, còn lại là đất CLN) và được quyền sở hữu chung nhà thờ, tài sản trong nhà trong đó có các tài sản lâu năm và có giá trị là hai bộ ghế gỗ, một

bộ trường kỷ bằng gỗ, một bộ ván bằng gỗ.

Ông Lê ND1, bà Lê ND2, bà Lê ND3, bà Lê ND5, bà Lê ND6, ông Lê BĐ, bà Lê LQ1, bà Lê LQ2 và anh Lê LQ4 được quyền sử dụng phần đất làm lối đi chung diện tích 667.3m², thửa 951, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B.

(Các phần đất nêu trên có tứ cận và các thông tin khác theo hồ sơ đo đạc kèm theo bản án).

[4] Buộc các đương sự trả giá trị cây trồng cho ông Lê BĐ như sau:

Buộc ông Lê ND1 trả cho ông Lê BĐ số tiền là 5.555.000đ (năm triệu, năm trăm, năm mươi lăm nghìn đồng).

Buộc bà Lê ND2 trả cho ông Lê BĐ số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Buộc bà Lê ND3 trả cho ông Lê BĐ số tiền là 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

Buộc bà Lê ND5 trả cho ông Lê BĐ số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Buộc bà Lê ND6 trả cho ông Lê BĐ số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Buộc anh Lê LQ4 trả cho ông Lê BĐ số tiền là 8.000.000đ (tám triệu đồng).

[5] Buộc ông Lê BĐ, bà Bùi LQ5 giao cho ông Lê ND1, bà Lê ND2, bà Lê ND3, bà Lê ND5, bà Lê ND6, anh Lê LQ4 phần đất và cây trồng trên đất những người này được chia.

[6] Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự như án tuyên khi đương sự có yêu cầu.

[7] Buộc người nhận phần thừa kế nhiều hơn hoàn trả giá trị chênh lệch cho người nhận phần thừa kế ít hơn như sau:

Buộc bà Lê ND3 giao cho ông Lê ND1 số tiền là 668.250đ (sáu trăm sáu mươi tám nghìn, hai trăm năm mươi đồng).

Buộc bà Lê ND3 giao cho bà Lê ND2 số tiền là 22.547.500đ (hai mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

Buộc bà Lê ND5 giao cho bà Lê ND2 số tiền là 18.975.750đ (mười tám triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Buộc bà Lê ND5 giao anh Lê LQ4 số tiền là 14.251.000đ (mười bốn triệu,

hai trăm năm mươi một nghìn đồng).

Buộc bà Lê NĐ6 giao cho anh Lê LQ4 số tiền là 96.172.750đ (chín mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Buộc ông Lê BĐ giao cho anh Lê LQ4 số tiền là 15.828.500đ (mười lăm triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm đồng).

[8] Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê NĐ1, bà Lê NĐ3, bà Lê NĐ2 và bà Lê NĐ5, bà Lê NĐ6 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B, 300 chỉ vàng 24K (loại vàng 9999); 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), hai bộ ghế gỗ, một bộ trường kỷ bằng gỗ, một bộ ván nằm bằng gỗ.

[9] Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Lê NĐ4 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 118, tờ bản đồ số 10, diện tích 17602m², thửa đất số 95, tờ bản đồ số 10, diện tích 11147m², tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B, 300 chỉ vàng 24K (loại vàng 9999), 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng), hai bộ ghế gỗ, một bộ trường kỷ bằng gỗ, một bộ ván nằm bằng gỗ.

[10] Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông Lê BĐ về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Lê TK và bà Huỳnh TK là thửa đất số 148, tờ bản đồ số 10, diện tích 2933.8m², tại xã B, huyện G, tỉnh B, cho anh Lê LQ4 được nhận, không đồng ý chia thừa kế cho anh Lê LQ4 thửa đất số 95 và 118, cùng tờ bản đồ số 10, tại xã B, huyện G, tỉnh B.

[11] Đối với cây mai vàng gốc hoành 95cm, cao khoảng 06m, nhánh cây tán ra 6,7m, có giá trị theo chứng thư thẩm định giá số 0610001/2022/CT-SGL ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Công ty TNHH MTV thẩm định giá SGL là 730.500.000đ (bảy trăm ba mươi triệu, năm trăm nghìn đồng), trên phần đất của bà Lê NĐ5 được chia thừa kế diện tích 1175.5m², thửa 95g, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã B, huyện G, tỉnh B: các đương sự chưa có yêu cầu chia, không có tranh chấp trong vụ án này. Do cây mai nằm trên đất của bà Lê NĐ5 nên tạm giao cho bà Lê NĐ5 quản lý. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ kiện khác.

[12] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Lê NĐ1, bà Lê NĐ2 thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Trả lại cho ông Lê NĐ1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.993.000đ (chín triệu, chín trăm, chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 7462 ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trả lại cho bà Lê NĐ2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.993.000đ (chín triệu, chín trăm, chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 7461 ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bà Lê NĐ3 phải chịu án phí tổng cộng là 15.798.000đ (mười lăm triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.993.000đ (chín triệu, chín trăm, chín mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 7460 ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Bà Lê NĐ3 phải tiếp tục nộp 5.805.000đ (năm triệu, tám trăm lẻ năm nghìn đồng).

Bà Lê NĐ5 phải chịu án phí tổng cộng là 15.698.000đ (mười lăm triệu, sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.394.000đ (mười bốn triệu, ba trăm chín mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 7465 ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Bà Lê NĐ5 phải tiếp tục nộp 1.304.000đ (một triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Bà Lê NĐ6 phải chịu án phí tổng cộng là 16.448.000đ (mười sáu triệu, bốn trăm bốn mươi tám nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.294.000đ (mười ba triệu, hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 7464 ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Bà Lê NĐ6 phải tiếp tục nộp 3.154.000đ (ba triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Ông Lê BĐ phải chịu án phí tổng cộng là 27.381.500đ (hai mươi bảy triệu, ba trăm tám mươi một nghìn, năm trăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Lê BĐ đã nộp là 4.840.000đ (bốn triệu, tám trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 11416 ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Ông Lê BĐ phải tiếp tục nộp 22.541.500đ (hai mươi hai triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn, năm trăm đồng).

Anh Lê LQ4 phải chịu án phí tổng cộng là 15.848.000đ (mười lăm triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.277.000đ (sáu triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 3139 ngày 06 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Anh Lê LQ4 phải tiếp tục nộp 9.571.000đ (chín triệu, năm trăm bảy mươi một nghìn đồng).

Bà Lê LQ2 phải chịu 2.226.000đ (hai triệu, hai trăm hai mươi sáu nghìn

đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.270.000đ (năm triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 11425 ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Trả lại cho bà Lê LQ2 số tiền 3.044.000đ (ba triệu, không trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Bà Lê LQ1 phải chịu 2.226.000đ (hai triệu, hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.652.000đ (hai triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 88 ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Trả lại cho bà Lê LQ1 số tiền là 426.000đ (bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Trả lại cho bà Lê NĐ4 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.294.000đ (mười ba triệu, hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 7463 ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[13] *Về chi phí tố tụng khác:*

Bà Lê NĐ5 phải chịu chi phí thẩm định giá cây mai vàng là 3.300.000đ (ba triệu, ba trăm nghìn đồng) và đã trả đủ số tiền này.

Ông Lê BĐ phải chịu phí thu thập chứng cứ (đo đạc, định giá, thu thập quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,...) tổng cộng là 30.248.000đ (ba mươi triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Do ông Lê NĐ1 đã nộp tạm ứng 15.248.000đ (mười lăm triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng), bà Lê NĐ5 nộp tạm ứng 10.000.000đ (mười triệu đồng), ông Lê BĐ nộp tạm ứng 5.000.000đ (năm triệu đồng). Do đó, ông Lê BĐ phải trả lại cho ông Lê NĐ1 số tiền 15.248.000đ (mười lăm triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng), trả lại cho bà Lê NĐ5 số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Trang